

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 06 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh ngày 11/8/1982 tại thành phố H. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Thị T (đã chết); chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 03/01/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên Trần Thị H thường đi mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. H thường đến khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua ma túy của người không quen biết, sau đó mang ma túy về nhà chia nhỏ để sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện khác. Loại ma túy H bán là ma túy đá (Methamphetamine), giá bán là 300.000 đồng/túi. Địa điểm H bán ma túy là tại khu vực nghĩa trang thuộc Thôn V, xã T. H và các đối tượng nghiện thường giao dịch qua điện thoại, thỏa thuận số lượng ma túy mua bán, địa điểm cụ thể giao dịch ma túy. H đã bán ma túy nhiều lần cho nhiều người nhưng không nhớ thời gian, địa điểm và số lượng. H chỉ nhớ ngày 26/12/2017, H mua 01 túi ma túy đá với giá 700.000 đồng và mang về chia được 05 túi, H sử dụng hết 01 túi, còn 04 túi H cất giấu để bán cho đối tượng nghiện khác. H đã bán được 02 túi, cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/12/2017, H bán cho Phạm Văn D sinh năm 1986 ở xã C, huyện T và Đỗ Văn Đ sinh năm 1985 ở xã L, huyện T 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, H bán cho D, Cù Thanh X sinh năm 1988 ở xã L, huyện T và Đỗ Văn T sinh năm 1982 ở xã K, huyện T 01 túi ma túy với giá 300.000 đồng thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Thu của Phạm Văn D 01 túi nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động màu nâu nhãn hiệu Mobell; thu của Trần Thị H 01 điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển kiểm soát 16L8-0775 và số tiền 300.000 đồng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị H, thu giữ tại phòng ngủ của H: 01 hộp nhựa bên trong có 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 09 vỏ túi nilon, 01 đoạn ống hút nhựa, 01 bật lửa ga, 01 dao lam và 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế.

Tại Bản kết luận giám định số 1199 ngày 31/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố H kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ của Phạm Văn D là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,1653 gam; tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon thu giữ của Trần Thị H là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,4498 gam.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16L8-0775 thu giữ của H, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị V sinh năm 1980 trú tại Thôn B, xã T, huyện T (là chị gái H). Chị V không biết việc H sử dụng xe của

mình để đi bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị V sử dụng.

Đối với hành vi cất giữ trái phép 0,1653 gam Methamphetamine của Phạm Văn D, Đỗ Văn T và Cù Thanh X để sử dụng cho bản thân, hành vi của các đối tượng thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, nhân thân chưa có tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội thì hành vi của D, T và X không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đỗ Văn Đ có hành vi mua ma túy của H để sử dụng cho bản thân nhưng không thu được ma túy của Đ. Do đó, cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với D, T, X và Đ. Trong vụ án này còn có đối tượng bán ma túy cho H, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên không có cơ sở để điều tra.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Trần Thị H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo H đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy (Methamphetamine) để bán trái phép cho nhiều người nghiện khác (Phạm Văn D, Đỗ Văn Đ, Cù Thanh X và Đỗ Văn T) để kiếm tiền vào các ngày 27, 28/12/2017. Với hành vi nêu trên theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự bị cáo H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo H từ 08 năm tù đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 28/12/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp nhựa, 09 vỏ túi nilon, 01 đoạn ống hút nhựa, 01 bật lửa ga, 01 dao lam và 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng, tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Mobell và 01 điện thoại nhãn

hiệu Samsung) của Phạm Văn D và bị cáo H; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo H.

Bị cáo H khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, do nghiện ma túy nên bị cáo đã mua ma túy về chia nhỏ để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời, bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày đồng ý với cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo và gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo được chính quyền địa phương xác nhận, mẹ bị cáo mất sớm, bố già yếu thường xuyên ốm đau mắc bệnh tai biến nhiều năm nay, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, bị cáo trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, chính vì vậy đã dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Mặt khác, bị cáo bị bắt quả tang bán trái phép ma túy cho Phạm Văn D ngày 28/12/2017, tuy nhiên tại thời điểm bắt giữ, bị cáo là người đầu tiên đã khai ra hành vi bán ma túy của mình vào ngày 27/12/2017 với cơ quan công an. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ là tự thú và gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét, áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo. Bị cáo thuộc đối tượng người nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo thuộc diện hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí nên kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Bị cáo H đã có hành vi bán trái phép hai lần ma túy (Methamphetamine) cho các đối tượng Phạm Văn D, Đỗ Văn Đ, Cù Thanh X và Đỗ Văn T vào các ngày 27, 28/12/2017, mỗi lần bán 01 túi ma túy với giá 300.000 đồng. Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nhưng sau ngày 01/01/2018 mới bị xét xử sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, với hành vi nêu trên bị cáo H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án và hình phạt:

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ được chấp nhận.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ, vi phạm Luật phòng chống ma túy vì vậy cần có mức án nghiêm trọng xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy được coi là có nhân thân xấu nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa

bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6]. Khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[7]. 02 phong bì niêm phong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp nhựa, 09 vỏ túi nilon, 01 đoạn ống hút nhựa, 01 bật lửa ga, 01 dao lam và 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế được xác định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước; 02 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Mobell và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung) thu giữ của bị cáo và Phạm Văn D dùng để liên lạc trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo do phạm tội mà có.

- Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo đã được xác nhận của chính quyền địa phương theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số 05/GCN-HN.HCN ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H và có đơn xin miễn, giảm án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Trần Thị H 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp nhựa, 09 vỏ túi nilon, 01 đoạn ống hút nhựa, 01 bật lửa ga, 01 dao lam và 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di

động đã qua sử dụng (01 điện thoại nhãn hiệu Mobell và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung); Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0000756 ngày 09/4/2018; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2018/65 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H). Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo Trần Thị H.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thị H.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan điều tra CA huyện T;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Trại tạm giam CA thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư Pháp thành phố H;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã